

Bản án số : 36 /2020/LHST
Ngày 10/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cờ
2. Ông Phạm Xuân Đệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXX-ST ngày 22/6/2020 giữa:

Nguyên đơn : Anh **Cao Thanh H** - Sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ngõ H, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Phố K, phường Đ, quận X, thành phố Hà Nội

Bị đơn : Chị **Nguyễn Thị Minh L** - Sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ngõ H, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn, bản tự khai, các ý kiến trình bày tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Thanh H trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Minh L kết hôn trên cơ sở có tình cảm, lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2011 tại UBND phường B, quận Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi sống tại Ngõ H, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2012 chị L bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử 9 năm 06 tháng tù theo bản án số 171/HSST ngày 30/10/2012 về tội “Môi giới mại dâm”. Hiện chị L đang thi hành án phạt tù tại

trại giam. Nay tôi xác định tình cảm với chị L không còn, để ổn định cuộc sống, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị L.

Về con chung: Tôi và chị L có 04 con chung là cháu Cao Phương A1 (nữ), sinh ngày 08/9/2011; cháu Cao Nhã M1 (nữ) sinh ngày 20/4/2006; cháu Cao Mai A2 (nữ), sinh ngày 27/5/2009 và cháu Cao Nhật M2 (nam), sinh ngày 30/10/2014. Sau ly hôn tôi xin trực tiếp nuôi bốn con chung, do chị L đang chấp hành án nên tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng chúng tôi không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có đơn đề nghị vì hiện nay chị L đang chấp hành án phạt tù tại trại giam và giữa anh với chị L đã hết tình cảm nên đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp, hòa giải và đề nghị Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử để sớm ổn định cuộc sống nuôi con.

Ngoài các yêu cầu trên, Anh H không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2020 có xác nhận của trại giam chị Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Tôi và anh Cao Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, Hà Nội ngày 12/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 tôi bị bắt và phải đi chấp hành án về tội “Môi giới mại dâm” nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tôi phải chấp hành án, không lo được cho chồng con. Nay Anh H xin ly hôn tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 04 con chung là cháu Cao Phương A1 (nữ), sinh ngày 08/9/2011; cháu Cao Nhã M1 (nữ) sinh ngày 20/4/2006; cháu Cao Mai A2 (nữ), sinh ngày 27/5/2009 và cháu Cao Nhật M2 (nam), sinh ngày 30/10/2014 như Anh H trình bày là đúng. Ly hôn Anh H có nguyện vọng nuôi cả 4 con, tôi đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện nuôi con nên tôi đồng ý để Anh H là người trực tiếp nuôi cả 4 con chung. Anh H không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con tôi đồng ý vì hiện nay tôi đang chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng.

Về tài sản chung: (động sản và bất động sản): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng tôi không có khoản vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án trước khi viết bản tự khai. Do tôi đang chấp hành án phạt tù nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn được. Vì vậy tôi xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân quận Đống Đa vì hiện nay chị L đang chấp hành án tại Trại giam nên không thể trực tiếp đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án được. Đề nghị Tòa án, cho chị L vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như phiên họp hòa giải của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên Tòa hôm nay : Anh Cao Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Minh L và nguyện vọng được nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Cao Phương A1, cháu Cao Nhã M1, cháu Cao Mai A2 và cháu Cao Nhật M2. Anh Cao Thanh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Minh L vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật :

Phần thủ tục: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Phần nội dung: Anh H và chị L đều đề nghị ly hôn, tại phiên tòa chị L có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh H và cho Anh H được ly hôn chị L.

Về con chung : giao cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là Cao Phương A1 (nữ), sinh ngày 08/9/2011; cháu Cao Nhã M1 (nữ) sinh ngày 20/4/2006; cháu Cao Mai A2 (nữ), sinh ngày 27/5/2009 và cháu Cao Nhật M2 (nam), sinh ngày 30/10/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Về tài sản chung: Anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Thanh H đã nộp: đơn khởi kiện kèm theo các tài liệu chứng cứ (đã thông báo trong thông báo thụ lý vụ án); Đơn đề nghị không tiến hành phiên họp và hoãn giải, đề nghị Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các tài liệu do Tòa án thu thập: Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị Minh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Ngày 11/02/2020, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý vụ án đối với đơn khởi kiện của anh Cao Thanh H xin ly hôn chị Nguyễn Thị Minh L, Nơi ĐKKHKT: Ngõ H, phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội và hiện nay đang chấp hành án tại trại giam. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng quy định của pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với chị Nguyễn Thị Minh L. Chị L đều nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do chị L đang chấp hành án tại trại giam và chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật theo khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của Anh H, nhận thấy :

Anh Cao Thanh H và chị Nguyễn Thị Minh L kết hôn trên cơ sở có tình hiểu, lấy nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 12/8/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Ngày 30/10/2012 chị L bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử 09 năm 06 tháng tù tội “Môi giới mại dâm” hiện nay chị L đang chấp hành án tại trại giam . Anh H có đơn xin ly hôn chị L, chị L cũng đồng ý ly hôn với Anh H. Xét thấy Anh H và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cả hai cùng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là hoàn toàn tự nguyện của cả hai bên. Do vậy, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Anh H là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh H và cho Anh H ly hôn chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung* : Xác nhận vợ chồng có 04 con chung là Cao Phương A1 (nữ), sinh ngày 08/9/2011; cháu Cao Nhã M1 (nữ) sinh ngày 20/4/2006;

cháu Cao Mai A2 (nữ), sinh ngày 27/5/2009 và cháu Cao Nhật M2 (nam), sinh ngày 30/10/2014.

Xét thấy: Trong suốt thời gian qua, các con chung đều do Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H hiện có nơi cư trú rõ ràng, có thu nhập ổn định. Chị L hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ các cháu được, bản thân chị L đồng ý giao cả 4 con chung cho Anh H nuôi dưỡng, các con chung cũng đều có nguyện vọng được ở với bố nên việc giao cho Anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung cũng phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi Anh H yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung

- Về động sản : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
 - Về bất động sản : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
 - Về công nợ : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét
- Các yêu cầu khác của các bên đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và kháng cáo: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, Anh H phải chịu cả.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 228; 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh **Cao Thanh H**
2. Cho anh **Cao Thanh H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Minh L**
3. Về con chung:

Giao cho anh Cao Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Cao Phương A1 (nữ), sinh ngày 08/9/2011; cháu Cao Nhã M1 (nữ) sinh ngày

20/4/2006; cháu Cao Mai A2 (nữ), sinh ngày 27/5/2009 và cháu Cao Nhật M2 (nam), sinh ngày 30/10/2014.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Minh L cho đến khi anh Cao Thanh H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung (động sản + bất động sản), công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Cao Thanh H phải chịu 300.000đ án phí LHST (xác nhận Anh H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009850 ngày 10/02/2020 Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa)

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm, có mặt Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân bản án:

- Các đương sự
- VKSND quận Đống Đa + HN
- TAND TP Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng TAND quận Đống Đa

(đã ký)

Nguyễn Thuý Quỳnh